

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ CHUẨN BỊ XÉT XỬ PHÚC THẨM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

PHAN THỊ THANH MAI*

Mặc dù những quy định về chuẩn bị xét xử phúc thẩm trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS năm 2015) đã có những sửa đổi, bổ sung so với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 (BLTTHS năm 2003), tuy nhiên, vẫn còn có những quy định chưa thực sự hợp lý, tồn tại những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. Bài viết tập trung phân tích, đánh giá các quy định pháp luật về chuẩn bị xét xử phúc thẩm, xác định những nội dung còn bất cập, từ đó kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định về chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

Từ khóa: Chuẩn bị xét xử phúc thẩm, BLTTHS năm 2015, quy định pháp luật.

Ngày nhận bài: 12/01/2022; Biên tập xong: 17/02/2022; Duyệt đăng: 21/02/2022

Although the regulations on appellate trial preparation in the 2015 Criminal Procedure Code have had some amendments and supplements compared to the 2003 Criminal Procedure Code, there are still some unsatisfactory provisions and obstacles in practical application. The article focuses on analyzing and evaluating legal provisions on appellate trial preparation, identifying inadequacies, thereby proposing amendments and supplements to a number of regulations on appellate trial preparation.

Keywords: Appellate trial preparation, the 2015 Criminal Procedure Code, legal provisions.

1. Khái quát quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về chuẩn bị xét xử phúc thẩm

Trong BLTTHS năm 2015, quy định về chuẩn bị xét xử phúc thẩm không được quy định thành một mục riêng như quy định về chuẩn bị xét xử sơ thẩm (Mục 2 Chương XXI). Những điều luật điều chỉnh hoạt động chuẩn bị xét xử phúc thẩm trong thời gian từ khi nhận, thụ lý hồ sơ đến khi mở phiên tòa phúc thẩm được quy định tại các điều sau: Điều 340 (Thụ lý vụ án); Điều 341 (Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát); Điều 346 (Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm); Điều 347 (Áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế); Điều 348 (Đình chỉ xét xử phúc thẩm); Điều 353 (Bổ sung, xem xét chứng cứ, tài liệu, đồ vật). Ngoài ra, chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo thủ tục rút gọn còn được quy định tại

Điều 464 BLTTHS năm 2015 trong phần về các thủ tục đặc biệt. Những quy định của BLTTHS năm 2015 về chuẩn bị xét xử phúc thẩm một mặt đã kế thừa những quy định của BLTTHS năm 2003, đồng thời đã bổ sung những nội dung mới nhằm giải quyết những bất cập trong quy định của BLTTHS năm 2003 về chuẩn bị xét xử phúc thẩm, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xét xử phúc thẩm. Cụ thể:

Thứ nhất, BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định về việc thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền ra quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc đình chỉ việc xét xử phúc thẩm trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm (khoản 2 Điều 346 BLTTHS năm 2015).

Khi xét thấy có đủ các điều kiện pháp lý để đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định đưa vụ án ra xét

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

xử. Nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm cần ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; tên Tòa án ra quyết định; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên tòa; xét xử công khai hay xét xử kín; họ tên người kháng cáo, người bị kháng cáo, người bị kháng nghị; tội danh và hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định; họ tên Thẩm phán, Thư ký Tòa án; họ tên Thẩm phán dự khuyết, Thư ký (nếu có); Viện kiểm sát kháng nghị; họ tên người bào chữa (nếu có); họ tên người phiên dịch (nếu có); họ tên những người khác được triệu tập đến phiên tòa; vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa (khoản 2 Điều 255 BLTTHS năm 2015). Việc bổ sung quy định này là rất cần thiết bởi, quyết định đưa vụ án ra xét xử thể hiện vụ án đã đủ các điều kiện pháp lý để đưa ra xét xử, là cơ sở pháp lý để tòa án mở phiên tòa, thực hiện những hoạt động chuẩn bị mở phiên tòa như gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát cùng cấp, người bào chữa, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, triệu tập những người tham gia phiên tòa; thông báo thời gian, địa điểm mở phiên tòa cho cơ quan Công an có trách nhiệm trong việc áp giải bị cáo và lực lượng bảo vệ phiên tòa và các cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bảo vệ phiên tòa. Mặt khác, trên cơ sở quyết định này, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện một số quyền tố tụng như quyền đề nghị thay người tiến hành hoặc tham gia tố tụng, quyền yêu cầu xét xử công khai hay xử kín, yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng...

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng có quyền ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Điều 348 BLTTHS năm 2015 quy định: 1) Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với vụ án mà

người kháng cáo đã rút toàn bộ kháng cáo, Viện kiểm sát đã rút toàn bộ kháng nghị. Việc đình chỉ xét xử phúc thẩm trước khi mở phiên tòa do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định, tại phiên tòa do Hội đồng xét xử quyết định. Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. 2) Trường hợp người kháng cáo rút một phần kháng cáo, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị trước khi mở phiên tòa mà xét thấy không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị khác thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo, kháng nghị đã rút. 3) Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm ghi rõ lý do đình chỉ và các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 132 của BLTTHS năm 2015. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định, Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm cho Viện kiểm sát cùng cấp, Tòa án đã xét xử sơ thẩm, người bào chữa, bị hại, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị. Việc bổ sung quy định này là cần thiết, bảo đảm tính chất của xét xử phúc thẩm đó là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị. Cơ sở pháp lý làm phát sinh thủ tục xét xử phúc thẩm là kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm. Vì vậy, khi không còn kháng cáo, kháng nghị thì không còn căn cứ để xét xử phúc thẩm. BLTTHS năm 2003 không quy định thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền đình chỉ việc xét xử phúc thẩm, vì vậy, tòa án cấp phúc thẩm vẫn phải mở phiên tòa xét xử phúc thẩm và quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm tại phiên tòa là không đúng tính chất của xét xử phúc thẩm và mất thời gian tổ chức phiên tòa.

Thứ hai, quy định về thời hạn xét xử có sự sửa đổi để phù hợp với quy định thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền đình chỉ việc xét xử phúc thẩm hoặc quyết định đưa vụ án ra xét xử. Điều 242 BLTTHS năm 2003 chỉ quy định thời hạn xét xử phúc thẩm, đó là thời hạn tòa án cấp phúc thẩm phải mở phiên tòa phúc thẩm. Điều 346 BLTTHS năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm vẫn giữ nguyên thời hạn từ khi tòa án cấp phúc thẩm thụ lý hồ sơ vụ án cho đến ngày mở phiên tòa là (60 ngày nếu phúc thẩm ở cấp tỉnh, hoặc 90 ngày ở Tòa án nhân dân cấp cao hoặc Tòa án quân sự Trung ương) nhưng trong đó bao gồm hai loại thời hạn đó là thời hạn ra quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc quyết định đình chỉ vụ án và thời hạn từ khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đến ngày mở phiên tòa. Cụ thể: Trong thời hạn 45 ngày đối với Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu; 75 ngày đối với Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án quân sự Trung ương kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra một trong các quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm hoặc đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm; trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa phúc thẩm.

Thứ ba, BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát. Trước đó, BLTTHS năm 2003 không quy định việc Tòa án cấp phúc thẩm phải chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Đây là thiếu sót trong hoạt động lập pháp, dẫn đến việc không có cơ sở pháp lý để Viện kiểm sát cấp phúc thẩm nghiên cứu hồ sơ vụ án để thực hành quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy, để khắc phục thiếu sót này, tạo điều kiện cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu hồ sơ vụ án để tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC)

đã hướng dẫn tòa án cấp phúc thẩm phải chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát được thực hiện theo hướng dẫn tại phần III của Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 của Hội đồng thẩm phán TANDTC *Hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ tư “Xét xử phúc thẩm” của BLTTHS năm 2003*¹. BLTTHS năm 2015 đã khắc phục thiếu sót của BLTTHS năm 2003 khi đã có những quy định rõ ràng, cụ thể về việc tòa án cấp phúc thẩm chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát tại Điều 341 BLTTHS năm 2015. Cụ thể như sau: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm phải chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 15 ngày đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và

¹ Phần III Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 của Hội đồng thẩm phán TANDTC *Hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ tư “Xét xử phúc thẩm” của BLTTHS năm 2003* hướng dẫn: Ngay sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm cần kiểm tra tính hợp lệ của kháng cáo, kháng nghị và xem xét việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu. Khi chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, Tòa án cấp phúc thẩm cần yêu cầu Viện kiểm sát cùng cấp chuyển cho Tòa án cấp phúc thẩm chứng cứ mà Viện kiểm sát mới thu thập được và danh sách những người cần triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm (nếu có). Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương nghiên cứu hồ sơ vụ án trong thời hạn là 10 ngày; Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án quân sự Trung ương yêu cầu Viện phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự Trung ương nghiên cứu hồ sơ vụ án trong thời hạn là 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án. Trong trường hợp cần gia hạn thêm thời gian để nghiên cứu hồ sơ vụ án, thì Viện kiểm sát phải thông báo cho Tòa án biết, nhưng thời hạn gia hạn thêm tối đa không quá 05 ngày. Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu Viện kiểm sát cùng cấp chuyển trả hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm chậm nhất là khi hết thời hạn nghiên cứu hồ sơ vụ án.

Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, 20 ngày đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát quân sự Trung ương kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát phải trả lại hồ sơ vụ án cho Tòa án. Trường hợp vụ án thuộc loại tội đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 25 ngày đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, 30 ngày đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát quân sự Trung ương. Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm nhận được chứng cứ, tài liệu, đồ vật bổ sung trước khi xét xử thì phải chuyển chứng cứ, tài liệu, đồ vật này cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được chứng cứ, tài liệu, đồ vật bổ sung thì Viện kiểm sát phải trả lại cho Tòa án.

Những sửa đổi, bổ sung nói trên đã khắc phục được những bất cập trong quy định của BLTTHS năm 2003, tạo căn cứ pháp lý để tòa án cấp phúc thẩm có thể thực hiện được tốt hơn, có hiệu quả hơn công tác xét xử phúc thẩm.

2. Một số kiến nghị hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về chuẩn bị xét xử phúc thẩm

Qua nghiên cứu các quy định của BLTTHS năm 2015 về chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tác giả nhận thấy còn có một số bất cập trong các điều 255, 347, 346 cần sửa đổi, bổ sung cho hợp lý và hoàn thiện hơn. Cụ thể:

Về nội dung của quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm quy định tại khoản 2 Điều 255 BLTTHS năm 2015

Khoản 2 Điều 255 BLTTHS năm 2015 quy định như sau: “Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm ghi rõ các nội dung quy định tại các điểm a, b, e, g, h, i và k khoản 1 Điều này; tội danh và hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định; họ tên người kháng cáo, người bị kháng cáo,

người bị kháng nghị; Viện kiểm sát kháng nghị; họ tên Thẩm phán, Thư ký Tòa án; họ tên Thẩm phán dự khuyết, Thư ký Tòa án dự khuyết (nếu có)”. Theo Tác giả, khoản 2 Điều 255 về quyết định đưa vụ án ra xét xử còn tồn tại một số nội dung bất cập, cần quy định lại cho hợp lý hơn.

Thứ nhất, theo quy định này, quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm không ghi rõ nội dung kháng cáo, kháng nghị là chưa đủ cơ sở pháp lý xác định phạm vi xét xử phúc thẩm khi quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc quyết định đưa vụ án ra xét xử ghi rõ nội dung kháng cáo, kháng nghị là hết sức cần thiết cho cả Viện kiểm sát, bị cáo và những người có quyền và lợi ích liên quan đến kháng cáo, kháng nghị để các bên chuẩn bị cho việc tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời đó cũng thể hiện rõ phạm vi thẩm quyền của tòa án cấp phúc thẩm. Tương tự như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm phải ghi rõ “tội danh và điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo” (khoản 1 Điều 255 BLTTHS năm 2015).

Thứ hai, quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm không ghi rõ họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa; họ tên Kiểm sát viên dự khuyết (nếu có) là ảnh hưởng đến quyền được đề nghị thay đổi Kiểm sát viên của bị cáo và những người có quyền và lợi ích pháp lý liên quan đến kháng cáo, kháng nghị khác. Cần ghi rõ họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa; họ tên Kiểm sát viên dự khuyết (nếu có) để bị cáo và những người khác có thể xem xét Kiểm sát viên có thuộc trường hợp phải thay đổi để bảo đảm sự vô tư, khách quan khi tiến hành tố tụng hay không. Điều 52 BLTTHS năm 2015 về việc thay đổi Kiểm sát viên quy định có thể thay đổi Kiểm sát viên trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa. Vì vậy,

nếu có căn cứ để đề nghị thay đổi, bị cáo và những người khác theo luật định có thể yêu cầu thay đổi Kiểm sát viên trước khi mở phiên tòa. Nếu không ghi rõ họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa; họ tên Kiểm sát viên dự khuyết (nếu có) trong quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm là hạn chế quyền đề nghị thay đổi Kiểm sát viên của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Từ những phân tích trên, chúng tôi kiến nghị sửa đổi Điều 255 BLTTHS năm 2015 về quyết định đưa vụ án ra xét xử cụ thể như sau:

“Điều 255. Quyết định đưa vụ án ra xét xử

1. (giữ nguyên)

2. Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm ghi rõ các nội dung quy định tại các điểm a, b, e, g, h, i và k khoản 1 Điều này; tội danh và hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định; *nội dung kháng cáo, kháng nghị*; họ tên người kháng cáo, người bị kháng cáo, người bị kháng nghị; Viện kiểm sát kháng nghị; họ tên Thẩm phán, Thư ký Tòa án; họ tên Thẩm phán dự khuyết, Thư ký Tòa án dự khuyết (nếu có); họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa; *họ tên Kiểm sát viên dự khuyết (nếu có)”*.

Về quy định tại Điều 347 BLTTHS năm 2015 về việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

Điều 347 BLTTHS năm 2015 quy định về việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế như sau: 1) Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm có quyền quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế. Việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giam do Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quyết định. Việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn khác, biện

pháp cưỡng chế do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định. 2) Thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 346 của Bộ luật này. Trường hợp còn thời hạn tạm giam bị cáo mà xét thấy cần phải tiếp tục tạm giam bị cáo thì Tòa án cấp phúc thẩm sử dụng thời hạn tạm giam theo quyết định tạm giam của Tòa án cấp sơ thẩm. Trường hợp đã hết thời hạn tạm giam bị cáo theo quyết định tạm giam của Tòa án cấp sơ thẩm thì Chánh án, Phó Chánh án Tòa án ra quyết định tạm giam mới. Đối với bị cáo đang bị tạm giam, nếu xét thấy cần tiếp tục tạm giam để hoàn thành việc xét xử thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam cho đến khi kết thúc phiên tòa. 3) Đối với bị cáo đang tạm giam bị xử phạt tù mà đến ngày kết thúc phiên tòa thời hạn tạm giam đã hết thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 328 BLTTHS năm 2015 (đó là trường hợp bị cáo bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo; và trường hợp thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời gian bị cáo đã bị tạm giam). Đối với bị cáo không bị tạm giam nhưng bị xử phạt tù thì Hội đồng xét xử có thể ra quyết định bắt tạm giam bị cáo ngay sau khi tuyên án. Thời hạn tạm giam là 45 ngày kể từ ngày tuyên án. Theo Tác giả, điều luật này có một số bất cập cần sửa đổi, bổ sung cho hợp lý hơn, cụ thể:

Thứ nhất, việc diễn đạt và cách sử dụng thuật ngữ trong điều luật còn chưa rõ, có thể dẫn đến hiểu nhầm. Điều luật nêu “biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế” như hai nhóm biện pháp riêng biệt, độc lập với nhau là chưa thể hiện rõ bản chất của biện pháp ngăn chặn và mối quan hệ của biện pháp ngăn chặn với biện pháp cưỡng chế. Theo Từ điển

tiếng Việt thì cưỡng chế là “dùng quyền lực của Nhà nước bắt phải tuân theo”². Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, BLTTHS Việt Nam cũng xác định một loạt biện pháp cưỡng chế, trong đó, đáng kể nhất là các biện pháp ngăn chặn. Biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự có phạm vi rộng, căn cứ vào mục đích áp dụng, có thể chia biện pháp cưỡng chế thành các nhóm biện pháp ngăn chặn như bắt, tạm giữ, tạm giam; biện pháp cưỡng chế nhằm thu thập chứng cứ như khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; biện pháp ngăn chặn nhằm bảo đảm thi hành án như kê biên tài sản và những biện pháp khác như áp giải, dẫn giải, cưỡng chế đối với người vi phạm trật tự phiên tòa...³ Trong các biện pháp cưỡng chế, biện pháp ngăn chặn là những biện pháp cưỡng chế thuộc loại rất nghiêm khắc, gây tác động và tác hại nhất định đến các quyền và lợi ích của người bị áp dụng⁴. Như vậy, để thể hiện rõ bản chất của biện pháp ngăn chặn là một phần trong toàn bộ các biện pháp cưỡng chế tố tụng thì cụm từ “biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế” tại tên Điều 347 BLTTHS năm 2015 và ở khoản 1 của Điều này cần sửa là “biện pháp ngăn chặn và các biện pháp cưỡng chế khác”.

Thứ hai, khoản 2 Điều 347 BLTTHS năm 2015 chỉ quy định thời hạn tạm giam mà không quy định thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm là chưa đầy đủ. Các biện pháp bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất nhập cảnh đều có thời hạn áp

dụng⁵. Vì vậy theo Tác giả, cần phải bổ sung thêm quy định thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm là không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm. Khoản 2 Điều 347 BLTTHS năm 2015 còn quy định: “Trường hợp còn thời hạn tạm giam bị cáo mà xét thấy cần phải tiếp tục tạm giam bị cáo thì Tòa án cấp phúc thẩm sử dụng thời hạn tạm giam theo quyết định tạm giam của Tòa án cấp sơ thẩm. Trường hợp đã hết thời hạn tạm giam bị cáo theo quyết định tạm giam của Tòa án cấp sơ thẩm thì Chánh án, Phó Chánh án Tòa án ra quyết định tạm giam mới”. Quy định này là hợp lý vì khi quyết định tạm giam của Tòa án cấp sơ thẩm vẫn còn thời hạn mà Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định tạm giam mới là không cần thiết và tránh được tình trạng cùng một thời gian có hai quyết định tạm giam đối với một bị cáo. Đối với các biện pháp ngăn chặn khác theo Tác giả cũng cần phải quy định tương tự như quy định nói trên để tránh tình trạng quyết định chồng quyết định, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Mặc dù có thể về thực tế quyền và lợi ích của họ không bị ảnh hưởng nặng hơn nhưng về hình thức thì quyền và lợi ích của họ bị ảnh hưởng vì về nguyên tắc không thể cùng lúc áp dụng hai lần cùng một biện pháp ngăn chặn đối với cùng một người⁶.

⁵ Xem khoản 4 Điều 121, khoản 4 Điều 122, khoản 4 Điều 123, khoản 3 Điều 124 BLTTHS năm 2015

⁶ Tác giả Võ Văn Thế trong bài viết *Chuẩn bị xét xử sơ thẩm của BLTTHS 2015, vướng mắc và kiến nghị giải quyết*, có nêu ý kiến đề xuất “về thời hạn ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của bị can, cần tính như thời hạn tạm giam, tức là trừ đi thời hạn bị can đã bị áp dụng theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Viện kiểm sát kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị can”. Nguồn truy cập: <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/chuan-bi-xet-xu-so-tham-cua-blthts-2015-vuong-mac-va-kien-nghi-giai-quyet>

² Trung tâm Từ điển học (1988), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, tr. 226

³ Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 501

⁴ Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, sđd, tr. 503

Thứ ba, việc xác định thời hạn tạm giam khi chuẩn bị xét xử phúc thẩm chưa rõ ràng. Khoản 2 Điều 347 BLTTHS năm 2015 quy định: Thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 346 của Bộ luật này. Tuy nhiên, do Điều 346 về thời hạn chuẩn bị xét xử lại quy định các thời hạn khác nhau: Thời hạn từ khi thụ lý đến ngày mở phiên tòa (khoản 1); thời hạn từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử (khoản 2); thời hạn từ khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đến ngày mở phiên tòa, vì vậy nên việc xác định thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử phúc thẩm chưa cụ thể, rõ ràng. Vì vậy theo Tác giả, cần phải bổ sung khoản 2 Điều 347 BLTTHS năm 2015 theo hướng xác định rõ thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử phúc thẩm không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều 346, đó là thời hạn từ khi thụ lý đến ngày mở phiên tòa. Trong thời hạn này, việc tạm giam bị cáo do Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quyết định. Do “Hội đồng xét xử chỉ bắt đầu hoạt động từ thời điểm Thẩm phán chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử”⁷ nên phải đến ngày mở phiên tòa Hội đồng xét xử mới có quyền quyết định tạm giam bị cáo nhưng quy định tại khoản 2 Điều 347 chưa thể hiện rõ vấn đề này. Vì vậy, cần phải bổ sung Điều 347 theo hướng quy định rõ đến ngày mở phiên tòa thời hạn tạm giam đã hết, nếu xét thấy cần tiếp tục tạm giam để hoàn thành việc xét xử thì Hội đồng xét xử ra lệnh tạm giam cho đến khi kết thúc phiên tòa.

⁷ Nguyễn Mai Bộ, *Thời hạn tạm giam trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án hình sự - bất cập cần sửa đổi*. Nguồn truy cập: <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nguyen-mai-bo/thoi-han-tam-giam-trong-giai-doan-chuan-bi-xet-xu-vu-an-hinh-su-bat-cap-can-sua-doi>, truy cập ngày 20/9/2021 (Bài viết này tác giả nghiên cứu thời hạn tạm giam trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm)

Từ những phân tích trên, chúng tôi kiến nghị sửa đổi Điều 255 BLTTHS năm 2015 về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế cụ thể như sau:

“Điều 347. Áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn và các biện pháp cưỡng chế khác

1. (giữ nguyên)

2. Thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm quy định tại *khoản 1* Điều 346 của Bộ luật này.

Trường hợp còn thời hạn tạm giam bị cáo mà xét thấy cần phải tiếp tục tạm giam bị cáo thì Tòa án cấp phúc thẩm sử dụng thời hạn tạm giam theo quyết định tạm giam của Tòa án cấp sơ thẩm. Trường hợp đã hết thời hạn tạm giam bị cáo theo quyết định tạm giam của Tòa án cấp sơ thẩm thì Chánh án, Phó Chánh án Tòa án ra quyết định tạm giam mới.

Đối với bị cáo đang bị tạm giam, *mà đến ngày mở phiên tòa thời hạn tạm giam đã hết*, nếu xét thấy cần tiếp tục tạm giam để hoàn thành việc xét xử thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam cho đến khi kết thúc phiên tòa.

3. (giữ nguyên)

4. *Thời hạn bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền để bảo đảm, tạm hoãn xuất cảnh được xác định như quy định tại khoản 2 Điều này”*.

Không quy định việc ra quyết định tạm đình chỉ và đình chỉ vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm

BLTTHS năm 2015 không quy định việc ra quyết định tạm đình chỉ và đình chỉ vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo Tác giả là thiếu sót cần được khắc phục. Những sự kiện pháp lý được dùng làm căn cứ để tạm đình chỉ vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm quy định tại Điều 281 BLTTHS năm 2015 như không

biết rõ bị can đang ở đâu, khi có kết luận giám định tư pháp xác định bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo, chưa có kết quả xử lý văn bản pháp luật mà Tòa án kiến nghị hoàn toàn có khả năng xuất hiện trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm nhưng chưa có căn cứ pháp lý để tạm đình chỉ trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Mặt khác, những sự kiện pháp lý được dùng làm căn cứ đình chỉ vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm quy định tại Điều 282 BLTTHS năm 2015 như bị hại, đại diện của họ rút yêu cầu khởi tố trong trường hợp vụ án khởi tố theo yêu cầu của bị hại hoặc bị cáo chết... cũng có thể xuất hiện hoặc được phát hiện trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm nhưng cũng không có căn cứ pháp lý để tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ vụ án. Sẽ là hợp lý hơn nếu có quy định về việc thẩm phán chủ tọa phiên tòa phúc thẩm có quyền ra quyết định đình chỉ và tạm đình chỉ vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm tương tự như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm. Việc bổ sung quy định về tạm đình chỉ vụ án và đình chỉ vụ án trong khi chuẩn bị xét xử phúc thẩm tạo căn cứ pháp lý để giải quyết vụ án đơn giản và nhanh chóng hơn mà không ảnh hưởng đến quyền xem xét, giải quyết nội dung vụ án của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Trên cơ sở những phân tích trên, Tác giả kiến nghị bổ sung Điều 346 BLTTHS năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm cụ thể như sau:

“Điều 346. Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm

1. (giữ nguyên)

2. Trong thời hạn 45 ngày đối với Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu, 75 ngày đối với vụ án Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án quân sự Trung ương kể từ ngày thụ lý vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra một trong các quyết định:

- a) Đình chỉ xét xử phúc thẩm;
- b) Đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm;
- c) *Tạm đình chỉ vụ án;*
- d) *Đình chỉ vụ án.*

3. (giữ nguyên)

4. (giữ nguyên)

Đồng thời Tác giả cũng kiến nghị các điều luật quy định về tạm đình chỉ vụ án và đình chỉ vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm (Điều 281 và Điều 282) hiện nay đang được quy định tại Chương XXI BLTTHS. *Xét xử sơ thẩm* sẽ chuyển sang Chương XXI. *Những quy định chung* và trở thành căn cứ pháp lý để tạm đình chỉ vụ án và đình chỉ vụ án trong cả giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

Những quy định của BLTTHS năm 2015 về chuẩn bị xét xử phúc thẩm đã khắc phục được nhiều thiếu sót trong quy định của BLTTHS năm 2003. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, Tác giả nhận thấy còn có một số bất cập cần tiếp tục hoàn thiện để thực hiện tốt các nhiệm vụ của xét xử phúc thẩm./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Mai Bộ, *Thời hạn tạm giam trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án hình sự - Bất cập cần sửa đổi*. Nguồn truy cập: <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nguyen-cuu/thoi-han-tam-giam-trong-giai-doan-chuan-bi-xet-xu-vu-an-hinh-su-bat-cap-can-sua-doi>;
2. Trung tâm Từ điển học (1988), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng;
3. Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia;
4. Võ Văn Thế, *Chuẩn bị xét xử sơ thẩm của BLTTHS 2015, vướng mắc và kiến nghị giải quyết*. Nguồn truy cập: <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/chuan-bi-xet-xu-so-tham-cua-blthts-2015-vuong-mac-va-kien-nghi-giai-quyet>.